

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2023/DS-ST**.

Ngày: 04/7/2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Thanh Nhân và bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế) mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 325/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T (Viết tắt: Ngân hàng S). Trụ sở chính: Số 266 - 268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chi nhánh: Số 126 đường Nguyễn H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện hợp pháp:

+ Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S, là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng S;

+ Ông Lý Minh C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S - Chi nhánh Thừa Thiên Huế, là người đại diện theo ủy quyền của của Ngân hàng S (Văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S).

+ Ông Nguyễn Bảo Quốc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ chi nhánh Thừa Thiên Huế - T, là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng S (Văn bản ủy quyền số 09/2023/GUQ-CN TTH ngày 03/01/2023 của ông Lý Minh C – Giám đốc chi nhánh Thừa Thiên Huế - S). Ông V có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm 1994 địa chỉ: 3/11 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022, lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng S trình bày: Ngân hàng S và ông Trần Quang T có ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1908400571 ngày 26/3/2019, theo đó Ngân hàng S cho ông Trần Quang T vay số tiền 110.000.000 đồng với mục đích vay là để sinh hoạt tiêu dùng, thời hạn cho vay: 60 tháng, lãi vay trong hạn 8,4%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện giải ngân đầy đủ khoản tiền vay, tuy nhiên ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong hợp đồng, chỉ trả được số tiền 83.296.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 58.656.000 đồng và số tiền lãi là 24.640.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 04/7/2023, ông Trần Quang T còn nợ tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng nói trên là 70.571.532 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 51.344.000 đồng, lãi trong hạn là 14.630.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.580.798 đồng, lãi chậm trả là 1.016.734 đồng.

Nay Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quang T thanh toán số tiền còn nợ nói trên.

Đối với bị đơn là ông Trần Quang T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ cho ông Trần Quang T, nhưng trong thời hạn theo luật định ông Trần Quang T không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến làm việc cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do ông T hiện không còn cư trú tại địa chỉ do Ngân hàng S cung cấp nên Tòa án không thể lấy được ý kiến của ông T đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Ngân hàng S đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Trần Quang T vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại các phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T, buộc ông Trần Quang T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ tính đến ngày 04/7/2023 là: 70.571.532 đồng (Trong đó: Số tiền nợ gốc là 51.344.000 đồng, lãi trong hạn là 14.630.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.580.798 đồng, lãi chậm trả là 1.016.734 đồng). Kể từ ngày 05/7/2023, ông T còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Trần Quang T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T là do ông T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho Ngân hàng S biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua xác minh tại Công an phường Phú Nhuận cho biết ông T đã đi khỏi địa phương và không biết địa chỉ nơi cư trú mới của ông T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này được xem ông T cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Trần Quang T đến phiên tòa như Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông Trần Quang T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Trần Quang T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng tín dụng số LD1908400571 ngày 26/3/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng S và bên vay là ông Trần Quang T được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng S đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân các khoản vay 110.000.000 đồng cho ông Trần Quang T theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Ngân hàng S đã có Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ trước hạn vào ngày 20/9/2022. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc ông Trần Quang T phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 70.571.532 đồng, gồm số tiền nợ gốc là 51.344.000 đồng, lãi trong hạn là 14.630.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.580.798 đồng, lãi chậm trả là 1.016.734 đồng là có căn cứ,

phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông Trần Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.247.373 đồng là: $(5\% \times 70.571.532 \text{ đồng}) = 3.528.576 \text{ đồng}$.

Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 385, 398, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 90, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T. Buộc ông Trần Quang T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền nợ tính đến ngày 04/7/2023 là: 70.571.532 đồng (Trong đó: Số tiền nợ gốc là 51.344.000 đồng, lãi trong hạn là 14.630.000 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn 3.580.798 đồng, lãi chậm trả là 1.016.734 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 05/7/2023), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Quang T phải chịu 3.528.576 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.535.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005408 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hồng